TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 404/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/5/2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thụy Hồng Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Tiến
2. Bà Hoàng Thị Kim Yến

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Phương, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Bảo Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 784/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thúy V, sinh năm 1993. Địa chỉ: phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1991. Địa chi: Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà V có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các bản tự khai của nguyên đơn bà bà Nguyễn Thúy V trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện tìm hiểu chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 16/3/2018.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình ông T địa chỉ Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên thường xuyên xảy ra gây gỗ ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần của

nhau, ảnh hưởng đến tâm lý của con chung còn nhỏ. Đến năm 2018, vợ chồng thuê nhà sống tại chung cư E, Quận F (nay là Thành phố H) nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp tục không giải quyết được, sau đó bà đã chuyển nơi cư trú đến phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và sống ổn định đến nay cùng con gái. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông T vì tình cảm không còn.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thoại T, sinh ngày 04/10/2018, hiện nay đang sống với bà nên bà yêu cầu nuôi con và tùy ông Tcấp dưỡng nuôi con theo khả năng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu Ttrình bày:

Ông xác nhận lời trình bày của bà V về thời điểm, nơi kết hôn và quá trình chung sống. Ông trình bày vợ chồng ông bà không có mâu thuẫn gì trầm trọng, lời trình bày về mâu thuẫn vợ chồng của bà V là không có căn cứ, nếu bà V xác định vợ chồng ông bà có mâu thuẫn thì phải cung cấp chứng cứ. Bà V tự ý dọn ra ở riêng từ tháng 6/2022 và mang con theo, không cho ông được gặp con. Trước yêu cầu ly hôn của bà V, ông không đồng ý ly hôn. Khi nào bà V giải quyết xong chuyện mua 02 chiếc sim điện thoại bà V đang sử dụng thì ông sẽ đồng ý ly hôn.

Ông T xác nhận địa chỉ cư trú chính và thường xuyên của ông là nhà cha mẹ ở số Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ chung cư E, Quận F (nay là Thành phố H) là căn hộ thuê, ông không có đăng ký cư trú cũng như không thường xuyên có mặt tại Quận D. Nay ông đồng ý chọn Tòa án nhân dân quận Tân Bình là nơi có hộ khẩu và cư trú hợp pháp của ông để giải quyết vụ án xin ly hôn của bà V đối với ông. Bà V và ông T cùng thống nhất đề nghị Tòa án Tòa án nhân dân quận Tân Bình là nơi có hộ khẩu và cư trú hợp pháp của ông để giải quyết vụ án xin ly hôn của ông bà. Cả hai cũng xác nhận vợ chồng mâu thuẫn trong gia đình, không có đề nghị địa phương hòa giải hoặc gây gỗ ồn ào ở địa phương.

- Về con chung: ông xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thoại T, sinh ngày 04/10/2018, hiện nay đang sống với bà V. Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì từ khi bà V nộp đơn ly hôn đến nay bà V không cho ông thăm con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Ông T trình bày vợ chồng có khoản nợ chung cần phải giải quyết xong trước khi ly hôn.

Tại phiên tòa: bà V giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có.

Ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt (Biên bản ngày 06/4/2023 và ngày 25/4/2023 về việc tống đạt hợp lệ tham gia phiên tòa).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thông qua việc kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thực hiện tống đạt các quyết định cho các bên đương sự đầy đủ. Thẩm phán thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 16/3/2018 tại Uỷ ban nhân dân Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân của bà V và ông T là hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa bà bà V và ông T xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ tháng 6/2022, cả hai đã có thời gian suy nghĩ cân nhắc về quan hệ hôn nhân nhưng cũng không thể hàn gắn tình cảm. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V.

Xét yêu cầu của bà V được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thoại T, sinh ngày 04/10/2018 như sau: trẻ T là con gái, còn nhỏ, hiện tại đang sống ổn định với mẹ nên giao bà V trực tiếp nuôi dưỡng con là phù hợp.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: ông T trình bày có khoản nợ chung cần phải giải quyết trước khi ly hôn. Tuy nhiên ông Tkhông cung cấp tài liệu chứng cứ, không có yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung nên không có căn cứ để xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Bà Nguyễn Thúy V có đơn khởi kiện về việc ly hôn với ông Nguyễn Hữu T, địa chỉ cư trú Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: nguyên đơn bà V có mặt, bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng

mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo qui định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 12 ngày 16/3/2018 do Uỷ ban nhân dân Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thúy V và ông Nguyễn Hữu T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét đề nghị của bà Nguyễn Thúy V yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Hữu T. Nhận thấy: Bà V và ông T kết hôn hợp pháp, trong quá trình Tòa án giải quyết, bà V trình bày vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng ý kiến thường xuyên, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến bà V dọn ra ở riêng, vợ chồng không sống cùng nhau từ tháng 6/20222 đến nay. Sau thời gian Tòa án hòa giải, bà V kiên quyết ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu, không còn tình cảm quan tâm đến nhau để đoàn tụ. Về phía ông T không đồng ý ly hôn với lý do ông T vì cả hai còn chưa giải quyết xong với nhau về việc 02 chiếc sim điện thoại bà V đang sử dụng, khi bà V giải quyết rõ ràng về việc này thì ông sẽ đồng ý ly hôn. Mặt khác ông Tđã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên Tòa nhưng ông Tđều vắng mặt thể hiện ông Tkhông quan tâm đến việc hòa giải đoàn tụ. Nhận thấy cả hai vợ chồng không có sự chia sẻ, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau, dẫn đến mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V được ly hôn với ông T theo qui định tại Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Xét đề nghị của đương sự về con chung như sau: Bà V và ông T đều yêu cầu được nuôi con chung trẻ Nguyễn Thoại T, sinh ngày 04/10/2018. Nhận thấy: hiện nay bà V đang trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung và trẻ T còn nhỏ, mới hơn 4 tuổi và để trẻ ổn định trong sinh hoạt hàng ngày cần sự chăm sóc của mẹ, phía ông T có yêu cầu nuôi con với lý do bà V không cho ông gặp con nhưng ông T không cung cấp tài liệu, chứng cú cho lời trình bày của mình và cũng không có mặt tại phiên tòa mắc dù đã được tống đạt hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà V, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà V không có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung: Bà V và ông T xác nhận không có.

[7] Về nợ chung: Bà V khai không có. Ông T trình bày có khoản nợ chung cần phải giải quyết trước khi ly hôn. Tuy nhiên ông T không cung cấp tài liệu chứng cứ, không có yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung nên không có căn cứ để xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được tính vào tạm ứng án phí do bà V đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số AA/2021/0031798 ngày 28/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thúy V:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thúy V được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

- Về con chung: Giao bà Nguyễn Thúy V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thoại T, sinh ngày 04/10/2018, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà V không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Bà V khai không có. Ông Ttrình bày có nợ chung nhưng ông Tkhông cung cấp tài liệu chứng cứ, không có yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung nên không có căn cứ để xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà V phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng được tính vào tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thúy V đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0031798 ngày 28/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thúy V có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Ông Nguyễn Hữu T không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- TANDTP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thụy Hồng Châu